TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 352 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2018
V/v tranh chấp "Hôn nhân, gia đình
Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần xét xử sơ thẩm rút gọn gồm có:

***- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Dương Bích Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử theo thủ tục rút gọn sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2018/TLST-HNGĐ ngày 30/8/2018 về tranh chấp *"Hôn nhân, gia đình – Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Diễm Th, sinh năm 1980 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: tổ 09, ấp Hậu G 1, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/8/2018 cùng bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Diễm Th trình bày: thông qua mai mối, bà và ông Nguyễn Văn H tổ chức lễ cưới vào năm 1997, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn, hôn nhân hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, cả hai bỏ đi làm ăn mỗi người một nơi từ đó chính thức ly thân đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với ông H.

Về nuôi con chung: có 03 con chung gồm Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1998 đã trưởng thành và tự lập được; Nguyễn Thị Duy L, sinh ngày 26/01/2004 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 21/02/2008 hiện đang sống với bà Th. Yêu cầu được tiếp tục nuôi Duy L và Trung H đến khi con thành niên hoặc tự lập được, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Không có.

Tại bản tự khai của bị đơn ông Nguyễn Văn Hi thể hiện: ông với bà Phan Thị Diễm Th có tổ chức lễ cưới vào năm 1997, không đăng ký kết hôn. Cuộc sống

vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và chính thức ly thân từ năm 2015 đến nay. Đồng ý ly hôn với bà Th; thống nhất giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Duy L, sinh ngày 26/01/2004 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 21/02/2008 cho bà Th nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Riêng Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1998 đã trưởng thành và tự lập được; về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có. Ngoài ra, do đi làm ăn xa nên xin vắng mặt tại phiên tòa.

Cháu Nguyễn Thị Duy L và cháu Nguyễn Trung H có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H, yêu cầu được nuôi con chung nên xác định quan hệ "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: ông Nguyễn Văn H là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Hậu Gi 1, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Do vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, đương sự đã thừa nhận về nghĩa vụ; tài liệu, chứng cứ đầy đủ, bảo đảm đủ căn cứ để giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ nên lựa chọn giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn là có căn cứ theo quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H (do có đơn xin vắng mặt) là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: thông qua mai mối, bà Th và ông Hi tổ chức lễ cưới từ năm 1997 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Xét, do ông bà chung sống không đăng ký kết hôn (điều này được Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa xác nhận trong thời gian sinh sống tại địa phương, ông Nguyễn Văn H chưa đăng ký kết hôn với ai) theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân gia đình nên pháp luật không công nhận bà Th và ông H là vợ chồng.

Về nuôi con chung: ông bà có 03 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1998, Nguyễn Thị Duy L sinh ngày 26/01/2004 và Nguyễn Trung H sinh ngày 21/02/2008; cháu Nguyễn Thị Mỹ L đã trưởng thành và tự lập được, các bên không tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

Xét, 02 cháu Duy L, Hậu đã trên 07 tuổi có nguyện vọng sống với mẹ và đương sự đã thật sự thỏa thuận về việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên giao 02 cháu cho bà Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con đến thành niên hoặc tự lập được; ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; bà Th phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để ông H đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con; mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, bà Thkhông còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không nợ chung ai, sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì ông H, bà Th phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác.

[3] Về án phí: Bà Th phải chịu án phí hôn nhân, gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007064 ngày 30/8/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (đã nộp đủ). Ông H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 321 và Điều 322 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Phan Thị Diễm Th và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Bà Phan Thị Diễm Th được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Duy L (sinh ngày 26/01/2004) và Nguyễn Trung H (sinh ngày 21/02/2008) đến thành niên hoặc tự lập được; ông Nguyễn Văn H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Th phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để ông H đến thăm nom, chăm sóc, giao dục con chung; không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Phan Thị Diễm Th phải chịu 150.000đ án phí hôn nhân gia đình được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007064 ngày 30/8/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, còn lại 150.000đ hoàn trả cho bà Th.

+ Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí.

- Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 07 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Bích Tuyền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Cơ quan THA.DS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Hòa;
- Lưu.